

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;
2. Ông Trần Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch.

Địa chỉ: Thôn A, xã P (nay là Tổ dân phố K, thị trấn P), huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn A, xã P (nay là Tổ dân phố K, thị trấn P), huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2023, quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, là hàng xóm gần nhà nhau nên bà Ch đã cho bà H vay vàng và tiền gồm:

Vào ngày 14/3/2016 (dương lịch), bà Ch cho bà H vay 01 cây vàng 9999 (loại vàng nhẫn, tròn trơn), hai bên có viết giấy vay vàng cùng ngày, thỏa thuận thời hạn trả nợ đến cuối năm 2016, bà H sẽ trả cho bà Ch tổng số vàng gốc và lãi là một cây hai năm phân vàng 9999 nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả nên bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả 01 cây vàng 9999.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận trong giấy vay vàng thì lãi là 02 chỉ năm phân vàng. Quá trình giải quyết và tại phiên toà, bà Ch đề nghị quy vàng thành tiền tại thời điểm vay để tính lãi, với mức lãi là 10%/năm, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày đầu tiên của năm 2017 tức là ngày 01/01/2017) đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023, bà Ch đồng ý giá vàng 9999 tại thời điểm ngày 14/3/2016 là 30.000.000 đồng/01 cây vàng.

Vào ngày 18/01/2018 (âm lịch), bà Ch cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, bà H viết giấy vay tiền và ký tên, thỏa thuận đến cuối năm 2018 bà H sẽ trả nợ, trong giấy vay tiền không thể hiện việc thỏa thuận về lãi suất. Sau đó, bà H tiếp tục vay của bà Ch thêm 20.000.000 đồng nên bà H đã viết thêm dòng chữ “còn 70 triệu chưa tính lãi” ở phần cuối cùng của giấy vay tiền nêu trên. Đối với khoản vay này bà H đã trả cho bà Ch số tiền gốc 30.000.000 đồng. Vì vậy, bà Ch yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện, bà Ch yêu cầu tính lãi phát sinh của khoản tiền này là 24.000.000 đồng (mức lãi là 1%/tháng kể từ ngày vay đến 18/01/2023). Quá trình giải quyết và tại phiên toà bà Ch cho rằng không nhớ rõ ngày, tháng bà H trả số tiền 30.000.000 đồng nhưng bà H trả vào khoảng cuối năm 2018, khi đó không ghi rõ mức lãi suất, thời gian tính lãi nên bà Ch thay đổi một phần yêu cầu tính lãi theo hướng, yêu cầu bà H trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng còn lại, kể từ ngày 01/01/2019 (dương lịch) tính đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023 với mức lãi 12%/năm, tương ứng 1%/tháng.

Vào ngày 09/8/2018, bà Ch cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận đến cuối năm 2018 bà H sẽ thanh toán đầy đủ, khi vay thì bà H có viết giấy vay tiền và ký tên, đến nay mặc dù đã quá hạn trả nợ bà Ch đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H chưa trả nợ nên bà Ch yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Về lãi suất: Khi vay hai bên thỏa thuận mức lãi ghi trong giấy vay tiền là 3%/tháng hẹn cuối năm thanh toán nhưng đến nay bà H chưa trả được khoản lãi nào, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Ch xác định yêu cầu bà H phải trả lãi với mức lãi 12%/năm, tương ứng 1%/tháng, tính từ ngày vay 09/8/2018 đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023.

Vào ngày 21/01/2019, bà Ch cho bà H vay số tiền 35.000.000 đồng, bà H có viết giấy vay tiền và ký tên, không ghi thời hạn trả nợ, đến nay bà Ch đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H vẫn chưa trả nợ nên bà Ch yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không ghi mức lãi là bao nhiêu, nhưng có thảo luận miệng tính lãi 30%/năm, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Ch yêu cầu được tính lãi với mức 12%/năm, tương ứng 1%/tháng, tính từ ngày vay 21/01/2019 đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023.

Về số tiền 15.000.000 đồng bà H đã đưa cho bà Ch: Bà Ch xác định có cho bà H vay số tiền là 8.200.000 đồng, về ngày, tháng vay bà Ch không nhớ rõ, chỉ nhớ đã cho bà H vay trong năm 2018, khi cho vay hai bên không lập giấy nợ, nhưng thực tế bà H có trả cho bà Ch số tiền 15.000.000 đồng để trả cho khoản nợ

8.200.000 đồng nên còn dư lại 6.800.000 đồng, bà Ch đồng ý số tiền 6.800.000 đồng sẽ được trừ vào tổng số tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền vay trên.

Bà Ch xác định bà H còn tổng số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999, tiền lãi phát sinh từ 01 cây vàng và tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền vay gốc nêu trên. Đối với việc bà H yêu cầu được trả dần các khoản nợ thì bà Ch không đồng ý vì thời gian vay đã lâu, đến nay hoàn cảnh kinh tế của bà Ch cũng rất khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và bà Nguyễn Thị Ch là hàng xóm gần nhà nhau, bà H đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Ch và không có yêu cầu phản tố, do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên bà H đã vay mượn của bà Ch các khoản cụ thể như sau:

Vào ngày 14/3/2016 (dương lịch), bà H có vay của bà Ch 01 cây vàng 9999 (vàng nhẫn, tròn trơn). Khi vay, bà H có viết giấy vay vàng viết tay và hẹn đến cuối năm bà H sẽ trả cho bà Ch tổng số vàng gốc và lãi là 1 cây hai năm phân vàng 9999. Cho đến nay, kinh tế gia đình vẫn rất khó khăn nên chưa trả cho bà Ch 01 cây vàng, đến nay bà Ch khởi kiện thì bà H đồng ý trả cho bà Ch 1 cây vàng 9999.

Về lãi suất: Bà H đồng ý số lượng 02 chỉ năm phân vàng ghi trong giấy vay vàng là khoản lãi bà H phải trả cho bà Ch. Nay bà Ch yêu cầu quy vàng đã vay thành tiền tại thời điểm vay để tính mức lãi 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023 thì bà H đồng ý. Bà H cũng đồng ý giá 01 cây vàng 9999 tại thời điểm ngày 14/3/2016 là 30.000.000 đồng.

Vào ngày 18/01/2018 (âm lịch), bà H có vay của bà Ch số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến cuối năm 2018 bà H sẽ trả cho bà Ch. Bà H có viết giấy vay tiền viết tay cùng ngày và ký tên. Sau đó, bà H có vay thêm số tiền 20.000.000 đồng nên bà H đã ghi thêm dòng chữ “còn 70 triệu chưa tính lãi” ở phần cuối cùng của tờ giấy vay tiền. Đối với khoản tiền vay này bà H đã trả được cho bà Ch số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Về lãi suất: Khoảng cuối năm 2018 bà H trả số tiền 30.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày, tháng. Hai bên khi đó không ghi rõ mức lãi suất, thời gian tính lãi nên bà H đồng ý trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, lãi tính kể từ ngày 01/01/2019 (dương lịch) đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023, với mức lãi 12%/năm, tương ứng 1%/tháng.

Vào ngày 09/8/2018, bà H có vay của bà Ch số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận đến cuối năm sẽ thanh toán đầy đủ, hai bên thỏa thuận mức lãi là 3%/tháng, khi vay bà H có viết giấy vay tiền cùng ngày và ký tên, bà H đồng ý sẽ có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Về lãi suất: Khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi, được ghi trong giấy vay tiền là 3%/tháng nhưng đến nay bà H chưa trả được khoản lãi nào, nay bà H đồng ý với yêu cầu tính lãi của bà Ch, với mức lãi 12%/năm, tương ứng 1%/tháng, tính từ ngày vay 09/8/2018 đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023.

Vào ngày 21/01/2019, bà H có vay của bà Ch số tiền 35.000.000 đồng, bà

H đã viết giấy vay tiền cùng ngày, không ghi thời hạn trả nợ, bà H đồng ý trả cho bà Ch số tiền gốc đã vay là 35.000.000 đồng.

Về lãi suất: Khi vay hai bên không ghi trong giấy vay tiền mức lãi là bao nhiêu, nhưng có thảo thuận miệng là vay có tính lãi nhưng bà H không nhớ đã thoả thuận mức lãi bao nhiêu, bà H đồng ý với yêu cầu tính lãi của bà Ch, với mức lãi 12%/năm, tương ứng 1%/tháng tính từ ngày vay 21/01/2019 đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023.

Ngoài ra, bà H cho rằng ngoài các khoản vay trên thì bà H còn vay bà Ch số tiền 8.200.000 đồng, thời gian ngày, tháng vay cụ thể bà H không nhớ rõ, chỉ nhớ vay trong năm 2018, hai bên không lập giấy nợ, nhưng thực tế bà H đã trả cho bà Ch số tiền 15.000.000 đồng để trả cho khoản nợ 8.200.000 đồng và còn dư lại số tiền 6.800.000 đồng, thời điểm đó hai bên cũng không lập văn bản thảo thuận về số tiền còn dư sẽ được trừ vào nợ gốc hay lãi của bất kỳ khoản vay nào nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H đồng ý số tiền 6.800.000 đồng sẽ được trừ vào tổng số tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền vay nêu trên.

Tính đến nay bà H còn nợ bà Ch tổng số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999, tiền lãi phát sinh từ 01 cây vàng và lãi phát sinh từ các khoản tiền vay gốc nêu trên nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên bà H yêu cầu được trả dần các khoản nợ cho bà Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được bị đơn thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ch 01 cây vàng 9999 và tổng số tiền nợ gốc của các lần vay là 95.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do các đương sự thống nhất quy đổi 01 cây vàng thành tiền tại thời điểm cho vay và tính lãi trên số tiền giá trị của 01 cây vàng, với mức lãi 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất phát sinh từ tổng số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn đồng ý yêu cầu tính lãi, thời gian tính lãi đối với từng khoản vay của nguyên đơn với mức lãi 12%/năm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, khấu trừ số tiền 6.800.000 đồng vào tổng số tiền lãi của các khoản tiền vay là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng dân sự: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại thôn 14, xã Pong Đrang (nay tổ dân phố 13, thị trấn Pong Đrang), huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn trả 01 cây vàng 9999 và tổng số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, sự thừa nhận của bị đơn, có căn cứ xác định bà Ch đã nhiều lần cho bà H vay tài sản, cụ thể: Vào ngày 14/3/2016 (dương lịch), bà Ch cho bà H vay 01 cây vàng 9999, bà H viết Giấy vay vàng cùng ngày, thoả thuận cuối năm 2018 bà H sẽ trả một cây hai năm phân, trong đó 02 chỉ 5 phân vàng là lãi vay, được các bên thừa nhận và phù hợp chứng cứ do bà Ch cung cấp.

Vào ngày 18/01/2018 (âm lịch), bà Ch đã cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền cùng ngày, sau đó, bà H đã vay thêm số tiền 20.000.000 đồng nên bà H đã ghi thêm dòng chữ “*còn 70 triệu chưa tính lãi*” ở phần cuối cùng của giấy vay tiền này, hai bên thoả thuận thời gian trả nợ là cuối năm 2018, bà H đã trả được cho bà Ch số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 40.000.000 đồng được bà Ch thừa nhận. Ngoài ra vào ngày 09/8/2018 bà H đã vay của bà Ch số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 21/01/2019 vay số tiền 35.000.000 đồng, khi vay hai bên đều lập giấy vay tiền, ghi nhận số nợ, được bà H thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định bà H còn nợ bà Ch 01 cây vàng 9999 và tổng số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng, xét thoả thuận giữa hai bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, khi quá hạn thanh toán nợ bà Ch đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Nên bà Ch khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả 01 cây vàng 9999 và tổng số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà Ch có yêu cầu tính lãi và bà H cũng đồng ý trả lãi phát sinh từ 01 cây vàng, trả lãi của các khoản tiền vay nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, khi cho vay các bên không thoả thuận cụ thể về thời gian tính lãi, mức lãi của từng khoản vay hoặc có thoả thuận nhưng mức lãi không phù hợp quy định của pháp luật nên cần tính toán lại số tiền lãi của từng khoản vay là phù hợp.

Về lãi suất của 01 cây vàng 9999: Bà Ch và bà H đều thống nhất quy đổi 01 cây vàng thành tiền tại thời điểm vay để tính lãi trên số tiền giá trị của 01 cây vàng, với mức lãi là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày đầu tiên của năm 2017 tức là ngày 01/01/2017) đến ngày bà Ch làm đơn khởi kiện là ngày 05/01/2023 (tương ứng 06 năm 04 ngày = 2.194 ngày). Hội đồng xét xử thấy việc các đương sự thoả thuận tính lãi là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Căn cứ biên bản xác minh của Tòa án, giá vàng 9999, loại vàng khâu tròn

trơn (hình nhẵn) tại thời điểm ngày 14/3/2016 có giá 30.000.000 đồng/1 cây, nên số tiền lãi được tính:

$$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 2.194 \text{ ngày} : 30 = 18.210.200 \text{ đồng.}$$

[2.3] Về lãi suất của các khoản tiền vay: Bà Ch và bà H đều thống nhất tính lãi trên từng khoản vay, cùng với mức lãi 12%/năm, tương ứng 1%/tháng là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, tiền lãi của từng khoản vay được tính:

Khoản nợ gốc 40.000.000 đồng còn lại theo giấy vay tiền ngày 18/01/2018 (âm lịch), lãi được tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/01/2023 (tương ứng 04 năm 4 ngày = 1.464 ngày), số tiền lãi là:

$$40.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 1.464 \text{ ngày} : 30 = 19.520.000 \text{ đồng.}$$

Khoản vay 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 09/8/2018, lãi được tính từ ngày 09/8/2018 đến ngày 05/01/2023 (tương ứng 04 năm 04 tháng 25 ngày = 1.605 ngày), số tiền lãi là:

$$20.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 1.605 \text{ ngày} : 30 = 10.700.000 \text{ đồng.}$$

Khoản vay 35.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 21/01/2019, lãi được tính từ ngày 21/01/2019 đến ngày 05/01/2023 (tương ứng 03 năm 11 tháng 14 ngày = 1.439 ngày), số tiền lãi là:

$$35.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 1.439 \text{ ngày} : 30 = 16.788.000 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền lãi của các khoản tiền vay là 47.008.000 đồng.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Ch và bà H đều thừa nhận ngoài các khoản vay nêu trên thì vào khoảng năm 2018, bà Ch còn cho bà H vay số tiền 8.200.000 đồng, bà H đã đưa cho bà Ch số tiền 15.000.000 đồng để trả cho khoản 8.200.000 đồng, sau khi trả cho khoản nợ này còn dư lại số tiền 6.800.000 đồng, bà Ch và bà H đều tự nguyện thoả thuận và đồng ý số tiền còn dư này sẽ được trừ vào tổng số tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền vay bà H phải trả là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tổng số tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền vay bà H còn phải trả sau khi trừ số tiền 6.800.000 đồng là:

$$47.008.000 \text{ đồng} - 6.800.000 \text{ đồng} = 40.208.000 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền vay là:

$$95.000.000 \text{ đồng} + 40.208.000 \text{ đồng} = 135.208.000 \text{ đồng.}$$

[2.5] Đối với việc bà H xin trả dần các khoản nợ vì hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét thấy do bà Ch không đồng ý cho bà H trả dần, đây là phương thức thanh toán nợ nhưng do hai bên không thống nhất nên hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bà H là phù hợp.

[2.6] Từ những phân tích, nhận định trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ch tổng số tiền là 135.208.000 đồng đồng, trong đó nợ gốc 95.000.000 đồng, tiền lãi 40.208.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Ch 01 cây vàng 9999 và lãi suất phát sinh từ 01 cây vàng là 18.210.200 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là phù hợp, giá trị 01 cây vàng 9999 quy ra tiền tại thời điểm xét xử vụ án ngày 16/6/2023 là 55.800.000 đồng, theo mức tính $135.208.000 + 55.800.000 \text{ đồng} + 18.210.200 \text{ (tiền lãi của 01 cây vàng)} \times 5\%$ là phù hợp. Tuy nhiên, bà H thuộc hộ cận nghèo là trường hợp được miễn nộp tiền án phí, bà H có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H là phù hợp.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 45, khoản 1 Điều 244, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 5, 6, khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 105, Điều 357, 463, 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 45, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch tổng số tiền là 135.208.000 đồng, trong đó nợ gốc 95.000.000 đồng, tiền lãi 40.208.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch số lượng 01 cây vàng 9999, số tiền lãi phát sinh từ 01 cây vàng là 18.210.200 đồng.

2. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 10.460.910 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Nguyễn Thị H thuộc hộ cận nghèo là trường hợp được miễn nộp tiền án phí, bà Nguyễn Thị H có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch số tiền 6.444.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0020841 ngày 05/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân